TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 577/2023/HC-PT
Ngày: 03/8/2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;
Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lê Đỗ Quyên - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến (số IV) – Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 226/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 3 năm 2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại*" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2022/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8462/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Mai Thị T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn P1, xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Văn H1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tiến S1, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình (Có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B1, tỉnh Thái Bình.

3. Ủy ban nhân dân thành phố B1, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B1 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình T2, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B1 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Đặng Quốc T3, sinh năm 1963; Chị Đặng Thị H2, sinh năm 1986; Chị Đặng Thị D1, sinh năm 1984; Anh Đặng Văn T4, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Thôn P1, xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T3, chị H2, chị D1: Bà Mai Thị T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn P1, xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Hộ gia đình bà Mai Thị T1 được cấp 3330m^2 đất nông nghiệp tại thôn P1, xã V1, thành phố B1

Ngày 01/12/2016, UBND thành phố B1 có Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V1, gia đình bà bị thu hồi diện tích là 1690m^2. Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND, gia đình bà được bồi thường hỗ trợ tổng số tiền là **346.899.600 đồng**, việc giao nhận tiền không có hóa đơn, chứng từ mà chỉ ký vào quyển sổ của người giao tiền.

Theo Thông báo số 221/TB-PTQĐ ngày 02/12/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B1, bà được biết UBND thành phố B1 sử dụng đất thu hồi của gia đình mẹ bà vào mục đích phát triển kinh tế xã hội, gia đình bà đã bàn giao ruộng canh tác cho UBND thành phố B1. Sau đó, bà nhận thấy UBND thành phố B1 lại giao cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu TL(sau đây gọi là công ty TL) thực hiện dự án với tên gọi Khu đô thị mới, xã V1, thành phố B1, trong khi tại danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình (ban hành kèm theo công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27/4/2013

của Bộ TN&MT về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình) dự án tại xã V1, thành phố B1 là dự án "Khu đô thị, thương mại dịch vụ". Quá trình thực hiện, Công ty TLthực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai năm 2013, dự án mà Công ty TL thực hiện không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật đất đai 2013. Vì vậy, UBND thành phố B1 không có thẩm quyền thu hồi đất của gia đình bà, đồng nghĩa với các quyết định UBND thành phố ban hành là trái pháp luật.

Quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư do UBND thành phố thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, cụ thể: tiền bồi thường được chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, có hộ được bồi thường 69.000.000 đồng/sào, có hộ 130.000.000 đồng/sào; 150.000.000đ/sào; 175.000.000đ/sào.

Bà thấy việc bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước không công bằng nên bà đã cùng một số hộ dân trong thôn ủy quyền cho bà Hoàng Thị T5 và bà T6 làm đơn đề nghị UBND TP.B1 hỗ trợ bổ sung cho các hộ dân đã bị thu hồi đất đã nhận tiền bồi thường đợt đầu với giá thấp nhưng UBND TP.B1 không chấp nhận.

Ngày 13/12/2019 và 28/12/2020, bà Hoàng Thị T5 đại diện cho các hộ dân có đất bị thu hồi đã có đơn khiếu nại quyết định bồi thường hỗ trợ GPMB thực hiện dự án "Khu đô thị mới xã V1" của UBND thành phố B1, cụ thể: Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xây dựng khu dân cư mới xã V1, thành phố B1 (sau đây gọi là Quyết định 13577/QĐ-UBND); Quyết định 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND thành phố B1 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án; Quyết định 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND thành phố B1 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án; Quyết định 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố B1 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Xây dựng khu đô thị mới xã V1, thành phố B1.

Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố B1 ra Quyết định số 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu bác toàn bộ nội dung khiếu nại, giữ nguyên các Quyết định 13577/QĐ-UBND; Quyết định 1185/QĐ-UBND và Quyết định 2282/QĐ-UBND.

Không đồng ý với quyết định trên, ngày 21/10/2020 các hộ dân đã khiếu nại đối với Quyết định 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1 v/v giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố B1.

Việc giữ nguyên các quyết định giải quyết khiếu nại gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của gia đình bà, những người trực tiếp có đất bị thu hồi. Dự án thực hiện là dự án tư nhân, có mục đích thương mại, kinh tế nhưng UBND thành phố B1 thu hồi đất và bồi thường đất theo giá nhà nước, không có bất kỳ sự thỏa thuận nào giữa người dân và chủ dự án là không đúng quy định của pháp luật đất đai và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Bà T1 không có ý kiến gì về việc thu hồi đất nhưng việc đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không công bằng nên bà phải đòi hỏi quyền lợi, yêu cầu UBND thành phố B1 nâng mức bồi thường cho gia đình bà là 175.000.000 đồng/sào.

Vì vậy, bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Hủy Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình.

2. Hủy Quyết định 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B1, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình.

3. Hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố B1 v/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V1, thành phố B1.

*** Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B1 và Chủ tịch UBND thành phố B1 trình bày:**

1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng:

Dự án khu dân cư mới xã V1, thành phố B1 được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; đây là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường KĐ kéo dài thành phố B1, thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu TL; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử

dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh Thái Bình có văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; HĐND tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố B1 năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt tại các quyết định: số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, số 257/QĐ-UBND ngày 26/01/2016, số 247/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2018, số 588/QĐ-UBND ngày 25/02/2019.

Dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha, trong đó: đất công trình văn hóa 0,19 ha; đất công trình giáo dục 0,43 ha; đất công trình thể thao 0,38 ha; đất dịch vụ thương mại 0,98 ha; đất nhà ở liền kề 11,41 ha; đất xây dựng chung cư nhà ở xã hội 1,1ha; đất nhà ở hiện trạng 0,47 ha; đất cây xanh, mặt nước 2,9 ha; đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật 0,36 ha; đất giao thông 12,73 ha. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã V1 có mục đích để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nên thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án không thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB, vì vậy UBND thành phố B1 đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB (trong đó có hộ gia đình bà Mai Thị T1) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Về trình tự thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

- Ngày 05/8/2016, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất và đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định.

Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã V1, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi họp để triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự

án, trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng.

Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B1 đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã V1, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã V1, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan; UBND thành phố B1 đã ban hành các quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB liên quan đến hộ bà Mai Thị T1.

- Về lập phương án BT, HT, GPMB: Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố B1 đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan thành phố và UBND xã V1 lập phương án BT, HT, GPMB đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án đúng theo chế độ chính sách, đơn giá BT, HT và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình; Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B1, UBND thành phố đã phê duyệt phương án BT, HT, GPMB cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ bà T1) là đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình, đảm bảo thống nhất một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B1 đã phối hợp với UBND xã V1 thông báo và tổ chức chi trả tiền BT, HT cho các hộ dân theo đúng phương án được phê duyệt. Như vậy, việc bà T1 cho rằng phương án BT, HT, GPMB của dự án khu dân cư mới xã V1 không công bằng là không có cơ sở.

- Về sự khác biệt tên dự án: Tại số thứ tự 154 Danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Công văn số

2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Bình (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013) tên dự án, công trình là dự án Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V1, thành phố B1, tổng diện tích 31 ha, trong đó đất trồng lúa 25,7 ha.

Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V1, thành phố B1, dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha.

Về thực chất Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V1 hay Khu dân cư V1 đều là một dự án Khu dân cư mới xã V1; vì dự án có cùng một vị trí, địa điểm, cùng một diện tích; tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận là Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V1, thành phố B1.

3. Về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B1:

Không nhất trí với đơn giá bồi thường, hỗ trợ một số hộ dân có đất thu hồi tại dự án có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố; theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố B1, bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016; số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019; số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019; số 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V1, thành phố B1.

Xem xét giải quyết khiếu nại của các hộ dân, ngày 03/7/2020, UBND thành phố có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại; ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại lần đầu của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1; ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố B1 giải quyết khiếu nại.

Xét đề nghị của Đoàn xác minh tại báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố B1 đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công

dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1; trong đó kết luận: giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016; số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019; số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019; số 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố B1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V1, thành phố B1.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố B1 là đảm bảo quy định của Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Vì các căn cứ trên, UBND thành phố B1 khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất tại dự án khu dân cư mới xã V1, thành phố B1 đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trình bày:**

1. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai)

Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết khiếu nại (lần 2) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B1 là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai)

Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2).

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) nêu trên bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Về nội dung giải quyết khiếu nại (lần hai)

Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1 đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B1 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thấy: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B1 bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình bà Mai Thị T1 và các hộ gia đình có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là có cơ sở.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Các Điều 62, 66, 69, 75, 77, 83, 84, 89, 90, 93, 204 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T1 về việc yêu cầu:

1. Hủy Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình.

2. Hủy Quyết định 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B1, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P1, thôn P2, xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình.

3. Hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố B1 v/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V1, thành phố B1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2022, người khởi kiện bà Mai Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Mai Thị T1 cho rằng Dự án thực hiện là dự án tư nhân, có mục đích thương mại, kinh tế nhưng UBND thành phố B1 thu hồi đất và bồi thường đất theo giá nhà nước, không có bất kỳ sự thỏa thuận nào giữa người dân và chủ dự án, việc đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không công bằng nên bà phải đòi hỏi quyền lợi, yêu cầu UBND thành phố B1 nâng mức bồi thường cho gia đình bà là 175.000.000 đồng/sào.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trình bày: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã V1, thành phố B1, tỉnh Thái Bình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B1 bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình bà Mai Thị T1 và các hộ gia đình có đất bị thu hồi theo quy định của pháp đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt tại phiên tòa của đương sự: Xét thấy, người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã ủy quyền cho bà Mai Thị T1 tham gia tố tụng. Căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành

chính, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[3] Đơn kháng cáo của người khởi kiện là bà Mai Thị T1 được gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố B1:

[4.1] Dự án khu dân cư mới xã V1, thành phố B1 được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Thái Bình bằng Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã V1; Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 về việc phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội.

Như vậy, dự án khu dân cư mới xã V1 là dự án được HĐND tỉnh Thái Bình phê duyệt do đó thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013.

[4.2] Khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án có cả đất công ích của UBND xã V1 và đất của hộ gia đình, cá nhân, UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; UBND thành phố B1 đã ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 về việc Phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án là đúng thẩm quyền, có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai.

[4.3] Trình tự thu hồi đất: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. Sau đó, UBND thành phố B1, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B1 đã phối hợp với UBND xã V1 ban hành thông báo về việc thu hồi đất, gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND Thành phố thẩm định.

Ngày 01/12/2016, UBND thành phố B1 đã ban hành Quyết định số 13472/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 v/v thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân

cư mới xã V1, thu hồi của hộ gia đình ông Đặng Quốc T3, bà Mai Thị T1 1694,9m^2 thuộc thửa đất số 35, 45, 248 tờ bản đồ số 11, 12, thuộc địa giới hành chính xã V1, thành phố B1. Bà Mai Thị T1 không khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất.

Sau đó, UBND thành phố đã ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án theo quy định, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016.

Đối chiếu các khoản bồi thường, hỗ trợ mà gia đình bà Mai Thị T1 được UBND thành phố B1 phê duyệt theo Phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (số thứ tự 106), diện tích đất thu hồi theo hiện trạng 1.694,9m^2, diện tích được bồi thường là 1690m^2, tỷ lệ % thu hồi là 58,8%, thấy:

- Bồi thường về đất: 70.980.000 đồng (đơn giá đất trồng cây hàng năm 42.000đ/m^2, hệ số 1,0) là phù hợp với quy định của Điều 77 Luật đất đai; Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình; Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2016.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 106.470.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83; Điều 84; Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 20.700.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật đất đai; khoản 7 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 14 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình.

- Hỗ trợ khác theo Công văn 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình với tổng số tiền 141.960.000đồng (mức hỗ trợ 84.000đ/m^2) là phù hợp với quy định tại Điều 90 Luật đất đai.

- Bồi thường hỗ trợ tài sản, xây dựng, cây cối hoa màu 6.779.000 đồng là phù hợp với Công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng.

Tổng cộng là 346.889.600 đồng.

Sau khi Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được UBND

Thành phố phê duyệt Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Phương án, công khai mức bồi thường, hỗ trợ; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tới các hộ gia đình, cá nhân.

Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của UBND thành phố, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã V1 tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Gia đình bà T1 đã ký nhận 346.889.600 đồng.

Như vậy, UBND thành phố đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo chính sách bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà T1 đúng quy định tại các Điều 74, 75, 77, 83, 84 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các Quyết định của UBND tỉnh Thái Bình như đã phân tích trên.

[4.4] Đối với việc bà T1 cho rằng trường hợp này bà được quyền thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ đầu tư dự án là không có căn cứ, vì: Dự án khu dân cư mới xã V1 là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường KĐ kéo dài thành phố B1 thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu TL(Quyết định số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Thái Bình chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã V1). Đây không thuộc trường hợp chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận về giá chuyển nhượng với người có đất thu hồi theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013, như trình bày của người khởi kiện.

Người khởi kiện còn cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng, nhưng người khởi kiện không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã V1, thành phố B1 đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách BT, HT; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố B1 áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như người khởi kiện trình bày. Việc BT, HT đã đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B1:

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Hoàng Thị T5 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn P1, P2, xã V1, thành phố B1 (trong đó có gia đình bà Mai Thị T1), Chủ tịch UBND thành phố B1 đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan và tổ chức đối thoại. Ngày 17/9/2020 Chủ tịch UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Như vậy, về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố B1 là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp huyện; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện.

- Về nội dung: Quyết định số 3272/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại (trong đó có hộ bà Mai Thị T1) là có căn cứ như đã phân tích ở trên.

[6] Đối với Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình:

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã thụ lý khiếu nại lần hai của gia đình bà Mai Thị T1 và một số hộ dân thôn P1, P2, xã V1, đã giao Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình xác minh khiếu nại và tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai). Như vậy về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa

đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

- Về nội dung: Quyết định số 520/QĐ-UBND đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B1 là hợp pháp và có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, cũng như quá trình Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án, bà Mai Thị T1 cũng không cung cấp được tài liệu gì mới để làm căn cứ xem xét kháng cáo.

[7] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bà Mai Thị T1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, vì vậy miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Mai Thị T1; giữ nguyên toàn bộ Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2022/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí: Bà Mai Thị T1 được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng